

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 10 - 9 - 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Chang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Văn Quang;

Bà Lê Thị Phương Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phạm Hồng T, sinh năm 1986; Có mặt

Địa chỉ: Ấp HB, xã NT, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

**- Bị đơn:** Ông Hoàng Mạnh T1, sinh năm 1981; Có mặt

Địa chỉ: Tổ x, ấp y, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Hồng T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Về hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 06/8/2015. Việc chung sống và đăng ký kết hôn là do bà và ông T1 tự nguyện, không có ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. Vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau từ

năm 2018 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng bà đã trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung là Hoàng Kiều N G, sinh ngày 09/02/2012 và Hoàng Giang Kiều P, sinh ngày 10/7/2018. Các con chung hiện đang ở cùng với bà. Từ khi vợ chồng bà sống ly thân đến nay thì ông T1 chỉ đến thăm con chung có 03 lần. Ông T1 trình bày gia đình bà ngăn cản ông trong việc thăm nom con chung và chỉ cho gặp con 30 phút là không đúng, vì vào thời điểm ông T1 thăm con thì ông T1 đi từ Thành phố Hồ Chí Minh về, thời điểm dịch bùng phát nên bà muốn đảm bảo cho sự an toàn của con. Hơn nữa, thời gian đó ông T1 cũng không hỗ trợ bà về kinh tế để chăm sóc con chung. Bà và gia đình không ngăn cản, đe dọa ông T1. Hiện nay, bà có công việc ổn định, thu nhập là 17.000.000đ/tháng, bà đủ điều kiện và đủ tự tin để nuôi con và chăm sóc con tốt. Đối với con chung N G hiện nay đang được cho đi học ở Thành phố Hồ Chí Minh vì hiện nay bà đã chuyển công tác ổn định tại thành phố. Do hiện nay tình hình dịch bệnh chưa được kiểm soát nên bà gửi cháu nhỏ ở nhà ông bà ngoại để ông bà hỗ trợ chăm sóc cháu, khi nào hết dịch bệnh bà sẽ đón cháu lên ở cùng. Vì vậy, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ/con, cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Hoàng Mạnh T1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông T1 và bà T chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2015. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng ông hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn về những việc nhỏ trong gia đình, việc nuôi dạy con cái dẫn đến xảy ra mâu thuẫn. Do điều kiện công việc và vì kinh tế gia đình, ông phải đi làm nên việc chăm sóc con do vợ ông phụ trách. Những khi ông ở nhà thì ông đều quan tâm chăm sóc con. Tuy nhiên, giữa ông và bà T bất đồng quan điểm trong việc dạy dỗ con chung nên vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn. Ông không có hành vi bạo lực, đánh vợ ông. Ngày vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, vợ ông đưa con về quê thì hôm sau ông có đến nhà vợ để xin lỗi nhưng gia đình vợ ông có ngăn cấm và đe dọa ông nên vì sĩ diện ông đi về và để cho bà T tự nhận ra lỗi lầm của mình chứ không phải lần nào cũng là lỗi do ông. Tuy nhiên, ông T1 cho rằng mâu thuẫn vợ chồng ông chưa đến mức trầm trọng, ông mong muốn có thể hàn gắn đoàn tụ gia đình, nên ông không đồng ý ly hôn với bà T. Còn bà T xin ly hôn là ý kiến cá nhân của bà T.

Về con chung: Ông T1 và bà T có 02 con chung là Hoàng Kiều N G, sinh ngày 09/02/2012 và Hoàng Giang Kiều P, sinh ngày 10/7/2018. Các con hiện nay đang sống cùng bà T. Từ khi sống ly thân đến nay thì ông không được gặp con, liên lạc bằng điện thoại cũng không được do bà T chặn số điện thoại của ông. Ông chỉ về thăm con được 03 lần và có lần chỉ cho ông thăm con được 30 phút. Ông không hỗ trợ nuôi con trong thời gian ly thân là có ý muốn vợ chồng ông có một sự liên lạc lại với nhau, gắn kết lại với nhau để hòa giải mâu thuẫn cùng nhau nuôi dạy con cái vì chỉ có đầy đủ cha mẹ mới đủ khả năng chăm sóc con cái tốt nhất. Nếu phải ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi con gái lớn để chia sẻ sự chăm sóc con cái, cho con cái sự chăm sóc tốt nhất. Vì hiện nay, vấn đề con gái bị xâm hại tình dục đang ngày càng xảy ra nhiều, sau ly hôn thì bà T có thể sẽ gặp gỡ được người khác nên vấn đề này ông lo cho con gái của ông nên

ông yêu cầu nuôi con. Ông có công việc, thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng là 20.000.000đ, còn cụ thể mức lương của ông thì không tiện công khai do ông làm việc và hưởng theo % hoa hồng của công ty. Về công việc của ông thì ông hoàn toàn có thể thu xếp để ổn định khu vực làm việc nên ông T1 cho rằng ông đủ điều kiện chăm sóc con. Về cấp dưỡng nuôi con thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu bà T được nuôi 02 con thì ông cũng có trách nhiệm của ông trong việc nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Bà T và ông T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà T yêu cầu được ly hôn, ông T1 thừa nhận vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng nên ông mong muốn vợ chồng ông hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng nguyên đơn không đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu Hoàng Kiều N G, sinh ngày 09/02/2012 có nguyện vọng được ở với mẹ. Cháu Hoàng Giang Kiều P, sinh ngày 10/7/2018 hiện nay còn nhỏ, mới hơn 02 tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của con và không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng. Để thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con mình, ông T1 thừa nhận chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của cha mẹ nên ông sẽ chấp nhận cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/con đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không đề cập xem xét. Từ những phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp y, xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Phạm Hồng T và bị đơn ông Hoàng Mạnh T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 06/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và theo Biên bản xác minh ngày 19/8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T. Bà T và ông T1 đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng có

xảy ra mâu thuẫn, bị đơn đề nghị hòa giải mâu thuẫn để gia đình đoàn tụ nhưng nguyên đơn không đồng ý. Hiện nay, nguyên đơn và bị đơn không sống chung với nhau, bị đơn không có biện pháp để hàn gắn mâu thuẫn gia đình. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Theo các bản sao giấy khai sinh, lời khai của các bên có căn cứ xác định bà Phạm Hồng T và ông Hoàng Mạnh T1 có 02 con chung là Hoàng Kiều N G, sinh ngày 09/02/2012 và Hoàng Giang Kiều P, sinh ngày 10/7/2018. Nguyên đơn có yêu cầu được nuôi 02 con chung. Bị đơn yêu cầu được nuôi con N G , không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn hiện nay đều có công việc, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Hiện nay, các con chung ở cùng bà T. Tại bản tự khai thì cháu G có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Cháu P hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, tham khảo nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên và quy định pháp luật đối với con dưới 36 tháng tuổi, HĐXX giao các con chung Hoàng Kiều N G, sinh ngày 09/02/2012 và Hoàng Giang Kiều P, sinh ngày 10/7/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cũng không trái đạo đức xã hội. Đối với ý kiến của ông T1 về việc lo sợ cho con gái về vấn đề xâm hại tình dục thì hiện nay Nhà nước ta đang có những chương trình, biện pháp phòng chống vấn đề bạo lực, xâm hại tình dục đối với trẻ em, không chỉ là đối với trẻ em gái, mà còn cả trẻ em nam, có các văn bản luật để áp dụng, phòng ngừa và răn đe. Vì vậy, cho dù là cha hay là mẹ nuôi con thì trẻ em đều được pháp luật bảo vệ.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000đ/con. Xét hiện nay ông T1 có công việc và thu nhập trung bình là 20.000.000đ/tháng. Ông T1 cũng thừa nhận trách nhiệm nuôi con của mình do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét

[6] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 246, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 33, 51, 53, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng T đối với bị đơn ông Hoàng Mạnh T1.

2. Về hôn nhân: Bà Phạm Hồng T được ly hôn với ông Hoàng Mạnh T1.

3. Về con chung:

Giao 02 con chung Hoàng Kiều N G, sinh ngày 09/02/2012 và Hoàng Giang Kiều P, sinh ngày 10/7/2018 cho bà Phạm Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hoàng Mạnh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hoàng Kiều N G, sinh ngày 09/02/2012 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), cấp dưỡng nuôi con Hoàng Giang Kiều P, sinh ngày 10/7/2018 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu phù hợp quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Bà Phạm Hồng T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0043375 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Hoàng Mạnh T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

8. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Giáo;
- UBND xã T, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (GCNKH số 29/2015);
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Chang**